

CẢI CÁCH SỰ PHẠM VÀ CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN

PGS.TS. TRẦN KHÁNH ĐỨC
Đại học Quốc gia Hà Nội

1. Đặt vấn đề

Công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đã và đang đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với đội ngũ giáo viên (GV). Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã chỉ rõ *"Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo... Xây dựng đội ngũ GV đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng"*. Trong đổi mới giáo dục, vị trí, vai trò của đội ngũ GV ngày càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Raja Roy Sinh - Chuyên gia giáo dục của UNESCO đã cho rằng: *"Không một hệ thống giáo dục nào có thể vươn cao quá tầm những GV làm việc cho nó"*. Để đáp ứng yêu cầu đó việc nghiên cứu cải cách sự phạm, xây dựng mô hình mới về đào tạo, bồi dưỡng GV là một đòi hỏi cần thiết và cấp bách

2. Vai trò của giáo viên và cấu trúc mô hình nhân cách nghề nghiệp

2.1. Vai trò của giáo viên

Quá trình phát triển giáo dục từ nền giáo dục tinh hoa cho số ít sang nền giáo dục phổ cập cho số đông đã thúc đẩy sự hình thành một đội ngũ GV – một lực lượng lao động xã hội - nghề nghiệp đông đảo ở các cấp, bậc học trong hệ thống giáo dục quốc dân. Nghề GV đòi hỏi người hành nghề phải được đào tạo chuẩn mực về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và có phẩm chất đạo đức xã hội - nghề nghiệp phù hợp để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, vai trò của nhà giáo theo yêu cầu của xã hội. Người GV phải thực hiện tốt các vai trò sau đây:

- *Vai trò là nhà chuyên môn*: truyền thụ và hướng dẫn việc hình thành tri thức, kĩ năng, kĩ xảo; hình thành và phát triển về chuyên môn, về nghề nghiệp... cho người học;

- *Vai trò là nhà giáo dục*: thuyết phục và uốn nắn, hình thành ý thức, thái độ, hành vi đạo đức, lối sống tích cực... Ở người học phù hợp với các chuẩn mực văn hóa - xã hội;

- *Vai trò là người tổ chức*: Mọi hoạt động của người học dù có tính chất tập thể, nhóm nhỏ hay cá nhân trong phạm vi trách nhiệm của GV đều cần phải được tổ chức, đảm bảo những yêu cầu sư phạm;

- *Vai trò là người cố vấn*: Người học đối mặt với nhiều vấn đề khó khăn, khúc mắc hàng ngày cần được giúp đỡ. Họ có nhiều khát vọng, sự lựa chọn,

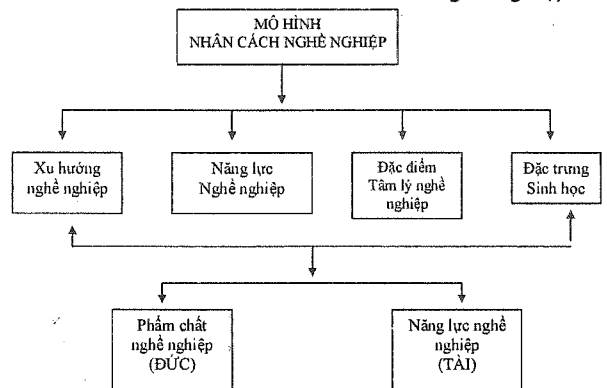
ý tưởng sáng tạo,... cần được chia sẻ, nâng đỡ, tư vấn từ người GV. Nếu người GV gần gũi người học, làm tốt vai trò này sẽ góp phần tích cực nâng cao hiệu quả giáo dục;

- *Vai trò là người phối hợp*: GV là người có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, có uy tín và trách nhiệm giáo dục trong cộng đồng, cho nên nhà giáo có vai trò quan trọng trong tổ chức, điều phối hoạt động giáo dục giữa nhà trường, gia đình và các lực lượng xã hội.

2.2. Cấu trúc mô hình nhân cách nghề nghiệp

Trong đời sống xã hội, các loại hình lao động nghề nghiệp khác nhau có những đặc trưng khác nhau về nhân cách nghề nghiệp. Nghề GV có những đặc điểm về nhân cách xã hội - nghề nghiệp đặc thù được định hình bởi vai trò, vị trí và tính chất, đối tượng, môi trường của hoạt động nghề nghiệp. Là sự phản ánh đa dạng những đặc trưng tâm lí - xã hội của mỗi cá nhân hoặc nhóm xã hội, nhân cách là một chủ thể xã hội có ý thức trong hoạt động và giao tiếp xã hội và có cấu trúc chung. "Cấu trúc nhân cách chung nhất cho mọi người được quy định bởi bốn mặt của nó, hay như người ta thường gọi là *bốn thành phần cấu trúc của nó*"¹.

Hình 1. Cấu trúc mô hình nhân cách nghề nghiệp



Cấu trúc nhân cách nhà giáo theo mô hình bốn thành phần cơ bản có thể được cụ thể hoá dưới đây, vừa là cơ sở cho tuyển chọn vào nghề sư phạm, vừa là cơ sở cho đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá hoạt động nghề nghiệp của người GV.

1/ Xu hướng nghề nghiệp

¹ K.K. Platonov (1979), *Tâm lí học*, NXB Công nhân kĩ thuật Hà Nội, tr. 3



- Nhà giáo cần có niềm tin, lí tưởng, hoài bão nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội - nghề nghiệp và có sứ mạng giáo dục nên những lớp người đáp ứng nhu cầu của xã hội;

- Có lòng yêu người, yêu nghề và gắn bó với nghề dạy học, say mê tìm tòi, sáng tạo để không ngừng đổi mới và thích nghi với sự thay đổi của yêu cầu nghề nghiệp trong một thế giới luôn thay đổi;

- Có quan điểm nhân văn, công bằng, tôn trọng

đối với người học; hiểu biết, chia sẻ với người học để không ngừng đạt kết quả tốt hơn trong các hoạt động giáo dục và giảng dạy;

- Không ngừng rèn luyện, học hỏi, tự hoàn thiện nhân cách nhà giáo.

2/ Kinh nghiệm nghề nghiệp

- Có nền hiểu biết văn hóa - xã hội rộng rãi và chuyên sâu về môn học/phần học cũng như tích lũy những kinh nghiệm thực tiễn phong phú về môn

Bảng 1: Cải cách sư phạm và chuyển đổi mô hình đào tạo GV

STT	Mô hình cũ	Mô hình mới
1	Mục tiêu đào tạo hàn lâm, chú trọng trình độ hiểu biết chuyên môn hẹp và kiến thức sư phạm	Mục tiêu đào tạo nghề nghiệp, chú trọng năng lực hành nghề, năng lực dạy học, các kĩ năng mềm; khả năng chuyển đổi linh hoạt
2	Tuyển sinh theo kết quả thi tuyển ba chung, chú trọng lấy điểm cao	- Tuyển sinh theo năng lực học tập và năng khiếu sư phạm - Kết hợp thi tuyển đánh giá năng lực học tập, xét hồ sơ trung học phổ thông và đánh giá/phỏng vấn trực tiếp - Chú trọng ngoại hình, sức khỏe, năng khiếu sư phạm, hiểu biết con người, văn hóa, xã hội
3	Đào tạo cử nhân sư phạm liên tục bốn năm ở các trường đại học sư phạm hoặc theo mô hình 3+1 ở Trường Đại học Giáo dục - ĐHQG Hà Nội	Đào tạo theo ba giai đoạn: - 2 năm đầu là giáo dục tổng quát (trong đó có môn giáo dục học) - 1,5 năm tiếp theo lĩnh vực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm/ giảng dạy - 1-1,5 năm đào tạo thạc sĩ về giảng dạy theo các nhóm chuyên môn
4	Đào tạo GV theo môn học diện hẹp: - Toán; - Lí; - Hoá - Văn; - Sử; - Địa...	Đào tạo GV theo lĩnh vực rộng: - Toán - Tin học; - Khoa học Tự nhiên; - Khoa học Xã hội - Nhân văn; - Giáo dục Nghệ thuật; - Giáo dục Thể chất & Sức khỏe; - Ngoại ngữ và đa văn hóa
5	- Trình độ cử nhân 4 năm - Thạc sĩ 2 năm	Trình độ cử nhân 3,5 năm và thạc sĩ giảng dạy theo các lĩnh vực 1,5 năm
6	Chương trình đào tạo theo môn học và niên chế (chương trình khung thống nhất trong toàn quốc)	- Chương trình đào tạo theo các mô đun tích hợp và hệ thống tín chỉ (khung chuẩn trình độ đào tạo GV) - Đa dạng hóa chương trình ĐT theo từng trường - Đào tạo theo học chế Tín chỉ
7	- Dạy học đồng loạt - Không có môn tự chọn	- Dạy học phân hóa - Các môn tự chọn (bắt buộc và tự do) chiếm khoảng 20-30 %
8	- Bồi dưỡng theo chu kì do Bộ GD&ĐT tổ chức. - Giá trị văn bằng suốt đời	- Bồi dưỡng tại cơ sở đào tạo theo chu kì 2-5 năm để duy trì giá trị văn bằng - Giá trị văn bằng có thời hạn 5 năm
9	- Phát triển nghề nghiệp theo bậc lương viên chức - Giá trị văn bằng sư phạm được hành nghề suốt đời	- Phát triển theo trình độ và thâm niên nghề nghiệp - Phân cấp GV thành ba cấp: GV tập sự; GV và GV chính - Cấp chứng chỉ hành nghề GV theo thời hạn 3-5 năm
10	Chỉ đào tạo GV tại trường/khoa sư phạm hoặc giáo dục	- Đào tạo trong các trường đại học - Liên kết trường đại học sư phạm/giáo dục và trường phổ thông trong đào tạo. - Mời GV giỏi, chuyên gia giáo dục, sư phạm... tham gia đào tạo GV (khoảng 1/4 khối lượng giảng dạy)
11	Hệ thống sư phạm đóng (chỉ bao gồm các trường/khoa sư phạm hoặc giáo dục)	Hệ thống sư phạm mở (bao gồm các trường đại học/học viện trong đó các trường đại học sư phạm/giáo dục làm nòng cốt)

học/phần học đó để có khả năng giảng dạy tốt;

- Có năng lực nghiệp vụ sư phạm vững vàng và không ngừng rèn luyện tay nghề, đổi mới phương pháp, hoàn thiện kĩ năng, kĩ xảo và nghệ thuật giảng dạy hấp dẫn, có hiệu quả cao;

- Có những hiểu biết và những trải nghiệm cuộc sống để giao tiếp, ứng xử tiến hành công tác giáo dục có kết quả;

- Có khả năng tổ chức, phối hợp công việc trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, giáo dục và công tác xã hội;

- Có khả năng tự học, tự rèn luyện (tu thân) để không ngừng nâng cao trình độ, hoàn thiện nhân cách.

3/ Đặc điểm tâm lí

- Đặc điểm cảm giác, tri giác đối với nghề dạy học tuy không đòi hỏi khả năng đặc biệt như một số nghề đặc thù khác nhưng cần có khả năng nhạy cảm, thính tai, tinh mắt,...;

- Có năng lực tư duy và trí nhớ tốt. Có khả năng tập trung và phân phối chú ý cũng như di chuyển chú ý;

- Người GV cần có những phẩm chất ý chí khá cao, nhất là tính mục đích, tính kiên trì, cương quyết, kiên định,...;

- Hệ tâm vận linh hoạt. Có khả năng phối hợp giữa lời nói và chữ viết, phối hợp giữa miệng nói, tay làm được nhịp nhàng, chính xác, linh hoạt;

- Phát âm chuẩn và khả năng diễn đạt ngôn ngữ (lời nói và cơ thể) chuẩn mực, trôi chảy, sinh động.

4/ Đặc điểm sinh học

- Người GV cần có ngoại hình bình thường với các chỉ số cơ bản về sinh học - sinh lí người: ngoại hình, chiều cao, cân nặng và các chỉ số sinh học - sinh lí khác;

- Các kiểu, loại khí chất và đặc điểm thần kinh khác nhau có ảnh hưởng đến hoạt động lao động nghề nghiệp nói chung và nghề dạy học nói riêng;

- Yêu cầu về thể chất bình thường đối với nghề dạy học. Tuy nhiên, cần tránh hình thức bên ngoài không bình thường để tránh sự tò mò và phản cảm ở người học;

- Cần tránh những người có bệnh tật phản chỉ định với nghề dạy học như có các bệnh truyền nhiễm, bệnh xã hội,...

Những thành tố nói trên kết hợp với nhau, tạo nên những *phẩm chất và năng lực nghề nghiệp của người GV và giữa chúng có mối quan hệ tác động qua lại mật thiết*. Việc nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của nhân cách nghề nghiệp thích ứng với từng giai đoạn: tiền nghề nghiệp, đào tạo nghề và giai đoạn thích ứng phát triển nghề có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình nghiên cứu bảo đảm tính kế thừa, khả năng liên thông hợp lí các bậc đào tạo và các loại hình đào tạo theo quan điểm xây dựng hệ thống giáo dục và đào tạo liên tục. Có thể xem quá

trình phát triển nhân cách qua các giai đoạn này là quá trình *hoàn thiện dần* các đặc trưng cấu trúc nhân cách bằng việc hình thành những đặc trưng mới, bổ sung thêm vào những đặc trưng đã có hoặc phát triển chúng đến trình độ cao hơn.

Có thể nói, những chuẩn mực của xã hội và yêu cầu nghề nghiệp đòi hỏi người GV dù làm việc ở cấp bậc học nào, ở cương vị nào cũng cần có những phẩm chất và năng lực chung của nhân cách nhà giáo. Những yêu cầu này chính là chất lượng của nguồn nhân lực sư phạm - đội ngũ GV các cấp.

3. Cải cách sư phạm và chuyển đổi mô hình đào tạo giáo viên (Xem bảng 1, trang 8)

4. Kết luận

GV là nhân tố quyết định chất lượng giáo dục. Để đáp ứng những yêu cầu mới của thời đại, người GV phải có không chỉ những hiểu biết sâu sắc, thấu đáo những kiến thức, kĩ năng chuyên môn đơn thuần mà cũng cần phải có hiểu biết và năng lực nghiệp vụ sư phạm cùng với những hiểu biết xã hội - văn hóa và vốn sống thực tiễn phong phú. Do đó, việc cải cách căn bản và toàn diện hệ thống sư phạm, xây dựng và từng bước triển khai mô hình đào tạo mới người GV, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, về chính trị - xã hội và các giá trị văn hóa làm cơ sở để hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ GV là điều quan trọng và cấp bách.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị Quyết Đại hội XI ĐCSVN, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.
2. Đặng Quốc Bảo, *Nghĩ về nghề dạy học và người thầy*, Tạp chí Giáo dục Thủ đô, Số 23 (tháng 11/2011).
3. Trần Khánh Đức, *Phát triển giáo dục Việt Nam và Thế giới* (Song ngữ Anh - Việt), NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2010.
4. Trần Khánh Đức, *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỉ XXI*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2010.
5. Phan Văn Kha - Nguyễn Lộc (Đồng chủ biên), *Khoa học Giáo dục từ đổi mới đến nay*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2011.

SUMMARY

Touching upon pedagogical reforms and shifts in teacher training model, the writer has presented key issues surrounding roles played by teachers and structure of career personality model; and analyzed factors associated with the shifting into the new teacher training model from the old one, including: training objectives, admissions, trainings of university teacher graduates...